

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**KHOA QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**

**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Loại hình đào tạo: Chính quy**

**Mã ngành : 7810201**

**Thanh Hóa, năm 2019**

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 8 năm 2019

## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

Kèm theo Quyết định số 738b/QĐ-ĐVTDL ngày 17 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

- Tên chương trình: **Cử nhân đại học Quản trị khách sạn**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản trị khách sạn**
- Mã ngành: **7810201**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Thời gian đào tạo: **4 năm**

### **1. Mục tiêu**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Quản trị khách sạn nhằm mục tiêu đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về KTXH, có kiến thức nền về kinh doanh và quản lý hoạt động kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về quản trị khách sạn; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức kinh doanh. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các khách sạn và các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức KTXH khác nhau có liên quan đến chuyên ngành đào tạo, có khả năng phát triển ngành đào tạo khác và cao hơn.

#### **1. 2. Mục tiêu cụ thể**

##### **2.1.1. Về kiến thức**

M1:Đảm bảo được trang bị kiến thức giáo dục đại cương theo các chương trình đào tạo quốc gia và quốc tế ngành kinh doanh và tập trung nâng cao kiến thức ngoại ngữ về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014)..

M2: Có kiến thức nền kinh doanh, quản lý và kiến thức chuyên sâu về quản trị khách sạn gồm: Tổng quan khách sạn, Quản trị dịch vụ, quản trị nhân lực căn bản, quản trị chất lượng dịch vụ., Tổ chức sự kiện, Marketing du lịch, Kinh tế khách sạn, Quản trị nghiệp vụ lễ tân khách sạn, Quản trị nghiệp vụ phòng khách sạn, Quản trị ăn uống trong khách sạn và Quản trị buồng.

M3: Có kiến thức bổ trợ liên quan đến một số ngành đào tạo khác và có điều kiện thuận lợi chuyển sang học ngành thứ 2.

### 2.1.2. Về kỹ năng

M4: Kỹ năng lập và triển khai R&D giải quyết các vấn đề quản trị; Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp; hoạch định và triển khai các tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp khách sạn; lập các chương trình marketing; thực hành các dịch vụ cơ bản của doanh nghiệp khách sạn.

M5: Kỹ năng làm việc theo nhóm, làm báo cáo, trình diễn và truyền thông quản trị doanh nghiệp;

M6. Tiếng Anh đạt chuẩn tương đương 450 điểm TOEIC; Kỹ năng tin học phục vụ công tác chuyên môn đạt chuẩn của trường..

### 2.1.3. Về thái độ

M7. Có ý thức trách nhiệm của người công dân đối với Tổ quốc, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, lòng yêu nghề, tận tụy, say mê với công việc; Ý thức kỷ luật, tự trọng nghề nghiệp cao và tác phong nhanh nhẹn, tháo vát.

M8. Có ý thức vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lĩnh vực du lịch.

M9. Có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp và mong muốn học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

## 2. Chuẩn đầu ra đối với chương trình đào tạo và mỗi học phần

### 2.1. Chuẩn đầu ra đối với chương trình đào tạo

TT	Mã CDR	Chuẩn đầu ra	Mức độ
<b>I</b>	<b>Kiến thức</b>		
1.	C1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật trong hoạt động kinh doanh khách sạn.	I
2.	C2	Phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong tổ chức hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh khách sạn nói riêng.	I
3.	C3	Hiểu, phân tích, đánh giá, vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, thoả mãn nhu cầu khách hàng, đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp khách sạn trong sự phát triển chung của địa phương và đất nước.	I,T
4.	C4	Hiểu được những kiến thức về ẩm thực và dinh dưỡng, vận dụng để tạo được sản phẩm thu hút khách du lịch trong hoạt động kinh doanh khách sạn.	I, T

5.	C5	Hiểu, phân tích được những kiến thức trong hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành, kinh doanh khách sạn.	I, T
6.	C6	Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được chiến lược phát triển kinh doanh bền vững để giảm thiểu các tác động tiêu cực cũng như tối đa hóa các tác động tích cực.	
7.	C7	Hiểu, phân tích, đánh giá và vận dụng được những phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và ứng dụng trong khoa học du lịch nói riêng, từ những phương pháp truyền thống định tính đến những phương pháp hiện đại có sử dụng các công cụ, thiết bị, phần mềm tin học	
<b>II</b>	<b>Kỹ năng</b>		
8.	C8	Nắm vững các kỹ năng nghiệp vụ trong kinh doanh khách sạn (kỹ năng về buồng, bàn, quầy bar, bếp). Có khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức nghiệp vụ (buồng, bàn, quầy bar, và bếp) vào thực tiễn kinh doanh khách sạn. Vận dụng được kỹ năng thực hành nghề (buồng, bàn, bar, bếp) trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn; biết sắp xếp, giám sát và điều hành công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất.	T, U
9.	C9	Có khả năng phân loại và tiếp cận các nguồn khách hàng, có khả năng thuyết phục và chia sẻ với khách hàng. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp một cách chân tình, cởi mở, thẳng thắn. Hiểu và phân tích được hành vi, ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp, làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của ngành du lịch, dịch vụ.	T, U
10.	C10	Có khả năng xây dựng giải pháp và khuyến nghị để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong thực tiễn quản lý, kinh doanh khách sạn. Có khả năng nắm bắt, hiểu và triển khai các mục tiêu, kế hoạch và văn hóa doanh nghiệp khách sạn trong hoạt động của doanh nghiệp. Sử dụng thành thạo kỹ năng lập luận, sắp xếp ý tưởng khi lập kế hoạch, dự án trong kinh doanh khách sạn.	T, U
11.	C11	Biết xây dựng kế hoạch nghề nghiệp tương lai của cá nhân trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn. Thực hiện, vận dụng linh hoạt kỹ năng tạo động lực làm việc cho bản thân và đồng nghiệp.	T, U
<b>III</b>	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học</b>		

12.	C12	Có khả năng làm việc nhóm hoặc độc lập và có kế hoạch cho bản thân; Có tác phong nhanh nhẹn, khoa học, nhạy bén, nhận thức đúng đắn; Có tinh thần học hỏi, năng động, sáng tạo, nhiệt tình, say mê công việc;	U
13.	C13	Hiểu biết tính chất công việc trong khách sạn để có thái độ kiên trì, nhẫn nại, nhiệt tình phục vụ khách nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách, đồng thời luôn có gắng mang lại chất lượng cao mang tính đồng nhất theo như cam kết.	U
	C14	Nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh doanh khách sạn trong nền kinh tế quốc dân. Có ý thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả hoạt động kinh doanh của khách sạn.	U

## 2.2. Chuẩn đầu ra đối với mỗi học phần

- Tất cả các học phần có trong CTĐT đều có đề cương chi tiết đầy đủ, được trình bày theo mẫu quy định và thể hiện rõ được sự đóng góp cụ thể với CĐR của CTĐT cử nhân Quản trị khách sạn.

- Các học phần được thiết kế trong CTDH có CĐR cụ thể. CĐR của mỗi học phần là những mục tiêu cụ thể của học phần, là kết quả của học phần mà người học có thể đạt được sau khi kết thúc học phần.

- Nội dung đề cương chi tiết học phần đều thể hiện mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy, hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá để đạt được CĐR học phần. Mỗi mục trong nội dung học phần đều đạt được ít nhất một trong những CĐR cụ thể của học phần, qua đó thể hiện được sự gắn kết giữa các nội dung giảng dạy và đóng góp của từng chương mục nhằm đạt được CĐR chung của CTĐT.

TT	Tên học phần	Mô tả CĐR của môn học/học phần	CĐR (ghi rõ thuộc CĐR kiến thức/kỹ năng/hay mức độ tự chủ và trách nhiệm)	Trình độ năng lực
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin 1	Sinh viên có khả năng vận dụng tri thức đã học để giải đáp và giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực công tác sau khi ra trường mà thực tiễn đặt ra	Kiến thức	2.0
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin 2	- Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức của môn học vào việc phân tích các hiện tượng kinh tế, xã hội, thực tiễn của đất nước cũng như hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo. - Có thái độ nhận thức đúng đắn khi vận	Kiến thức	2.0

		dụng các kiến thức kinh tế- chính trị việc phân tích các hiện tượng kinh tế, xã hội của đất nước. Cũng như, tạo sự nhất trí và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự tất thắng của CNXH		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.</li> <li>- Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.</li> </ul>	Kiến thức	2.0
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về hệ thống đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo cách mạng của Đảng; Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội; Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng.</li> </ul>	Kiến thức	2.0
5	Đường lối văn hóa văn nghệ của ĐCSVN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần nâng cao trình độ nhận thức của sinh viên, trên cơ sở nắm vững những vấn đề cơ bản về đường lối văn nghệ của Đảng, sinh viên có định hướng đúng đắn để học tập và nghiên cứu kiến thức chuyên ngành</li> <li>- Sinh viên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, và công cuộc đổi mới, CNH, HĐH đất nước, đồng thời giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục ý thức, trách nhiệm đối với</li> </ul>	Kiến thức	2.0

		quê hương, đất nước. Định hướng phấn đấu cho sinh viên theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.		
6	Cơ sở văn hóa VN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV tự xác định các chủ đề nghiên cứu để phục vụ học tập và công tác sau khi ra trường, đủ khả năng nghiên cứu viết các bài tham luận khoa học về văn hóa Việt Nam.</li> <li>- Tuyên truyền giới thiệu và giữ gìn, khai thác phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Đối với sinh viên sư phạm nghệ thuật, sinh viên âm nhạc, mỹ thuật, phục vụ công tác giảng dạy</li> <li>- Có ý thức giữ gìn, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.</li> </ul>	Kiến thức	2.0
7	Pháp luật đại cương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức đã học vào trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật, chính sách, quyền và lợi ích tại nơi làm việc và trong công đồng dân cư; phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày.</li> <li>- Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật. Tự giác thực hiện pháp luật và nghĩa vụ công dân, tham gia đấu tranh phòng ngừa vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo vệ pháp luật. Biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động và đời sống hàng ngày.</li> </ul>	Kiến thức	2.0
8	Tâm lý học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động, trong quan hệ ứng xử và thực tiễn, kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học để giải các bài tập môn học và giải quyết các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.</li> </ul>	Kiến thức	2.0
9	Phương pháp nghiên cứu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản như: kỹ năng xây dựng đề cương, cách</li> </ul>	Kiến thức, kỹ năng, năng lực	2.0

	khoa học	thức lựa chọn đề tài nghiên cứu, triển khai nghiên cứu ứng dụng vào từng ngành học; rèn luyện phát triển tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu làm việc nhóm, làm việc cá nhân.  - Sinh viên có thể chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết được đề cương chi tiết (báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học,...).		
10	Mỹ học đại cương	Có kiến thức lý luận về đối tượng; tiến trình lịch sử của Mỹ học; một số nét về Mỹ học phương Đông; khách thể và chủ thể thẩm mỹ; nghệ thuật; các loại hình nghệ thuật; nghệ sĩ và vấn đề giáo dục thẩm mỹ cho con người.	Kiến thức	2.0
11	Lịch sử văn minh thế giới	Có một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.	Kiến thức	2.0
12	Ngoại ngữ 1	- SV có khả năng nghe- nói- đọc – viết một cách cơ bản. - Có năng lực tự học tiếng Anh.	Kiến thức, kỹ năng	4.0
13	Ngoại ngữ 2	- SV có khả năng nghe- nói- đọc – viết một cách nâng cao. - Có năng lực tự học tiếng Anh.	Kiến thức, kỹ năng	4.0



14	Tin học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV có khả năng khai thác mạng Internet và hòm thư điện tử.</li> <li>- SV có khả năng soạn thảo văn bản, các thao tác cơ bản với các File văn bản, các thao tác định dạng, trang trí, in ấn văn bản, cách tạo bảng trong Word.</li> <li>- SV có khả năng tạo lập và định dạng bảng tính, sử dụng thành thạo các hàm thông dụng của Excel.</li> <li>- SV có khả năng c tạo các Slide trình chiếu bằng Microsofr PowerPoint.</li> <li>- Có các kỹ năng về cuộc sống số.</li> </ul>	Năng lực	4.0
15	Giáo dục thể chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV có năng lực tham gia chơi 1 môn thể thao ( bóng đá, cầu lông, bóng rổ, bóng chuyền, khiêu vũ...)</li> <li>- SV có năng lực tự rèn luyện thể lực thường xuyên.</li> </ul>	Kỹ năng	4.0
<b>II Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
16	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch	<p>Sinh viên nhận thức tốt và đúng về hệ thống chính sách lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; hình thành quan điểm, bản lĩnh, trình độ, nghiệp vụ khi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực VH,TT&amp;DL.</p> <p>Hình thành kỹ năng đọc tra cứu tư liệu, phân tích, tổng hợp, xử lý văn bản, ban hành văn bản pháp luật về quản lý VH,TT&amp;DL; Kỹ năng xây dựng các kế hoạch hoạt động VH,TT&amp;DL; Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động VH,TT&amp;DL.</p>	Kiến thức, kỹ năng	4.0
17	Văn hóa giao tiếp	<p>Sinh viên có những kiến thức cơ bản về giao tiếp, các nghi thức giao tiếp cơ bản, ấn tượng ban đầu trong giao tiếp. Lĩnh hội được hệ thống kiến thức về kỹ năng giao tiếp trên cơ sở đó vận dụng vào việc rèn luyện kỹ năng. Trên cơ sở kiến thức lý thuyết có được, SV vận dụng kiến thức lý thuyết về giao tiếp, sinh viên trực tiếp thực hành thông qua hệ thống bài tập tình huống nhằm hình thành những kỹ năng; thuyết trình, thuyết phục, lắng nghe, sử dụng phương tiện giao tiếp.</p>	Kiến thức, kỹ năng	4.0

18	Thống kê học	Sinh viên có kiến thức cơ bản về thống kê học (các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chỉ tiêu thống kê, các loại thang đo,...) Qua đó, giúp cho học sinh tư duy, biết thu thập, tích lũy, xử lý và phân tích các dữ liệu số từ các hiện tượng, sự việc, tình hình xảy ra trong thực tế nhằm tìm hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng này. Đồng thời môn học này còn giúp sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê; Cách thức trình bày các số liệu thống kê; Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng thống kê (Số trung bình cộng, số trung vị, mốt, Phương sai và độ lệch chuẩn) ; Ước lượng thống kê và kiểm định giả thiết thống kê.	Kiến thức	2.0
19	Kinh tế vi mô	Có các vấn đề cơ bản của thị trường là cung cầu và giá cả; đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp và sự điều tiết của chính phủ trong nền kinh tế thị trường; thị trường cạnh tranh và độc quyền; và nghiên cứu về thị trường các yếu tố của sản xuất.	Kiến thức	2.0
20	Quản trị học	- Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cũng như việc vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát). Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột của tổ chức.	Kiến thức	2.0
21	Marketing	- Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xu hướng của hoạt động bán hàng trong xu thế toàn cầu hóa, học phần marketing cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi	Kiến thức	2.0

		mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ, có được kiến thức về hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng.		
22	Thương mại điện tử căn bản	- Cung cấp cho người học những khái niệm, những yếu tố cơ bản cấu thành nên sự phát triển của Thương mại điện tử, phương thức hoạt động và các vấn đề cơ bản xoay quanh Thương mại điện tử. Giúp học sinh nắm rõ cách thức hoạt động từ đó có những ứng dụng thực tế nói chung và liên hệ thực tiễn đối với ngành du lịch nói riêng.	Kiến thức	2.0
23	Thanh toán quốc tế trong du lịch	- Giúp người học có những kiến thức cơ bản về Tiền tệ và Thanh toán quốc tế cụ thể như: Tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và cách chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia; Cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế; cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế. Và đặc biệt, học phần giúp sinh viên vận dụng các công cụ TTQT trong hoạt động kinh doanh du lịch.	Kiến thức	2.0
	Kinh tế du lịch	- Có kiến thức cơ bản và có hệ thống về hoạt động du lịch dưới góc độ kinh tế – ngành kinh tế dịch vụ mang tính chiến lược rất quan trọng trong các giai đoạn phát triển của mỗi quốc gia. - Sinh viên có năng lực hiểu rõ bản chất và rút ra được các quy luật hoặc tính quy luật vận động của các hiện tượng và các quan hệ kinh tế trong phạm vi ngành, nhận thức được một bức tranh tổng thể và tương đối hoàn chỉnh về du lịch và ngành du lịch của một quốc gia. Từ đó đi sâu nghiên cứu ngành du lịch với tính chất của một hệ thống mở, hệ thống du lịch dưới góc độ kinh tế bao gồm nhiều yếu tố cấu thành, có mối liên hệ bên trong cũng như bên ngoài hệ thống với các yếu tố môi trường.	Kiến thức	3.0

		- Giúp người học có được tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong phạm vi ngành.		
24	Văn hóa ẩm thực	- Người học có năng lực hiểu biết mang tính khái quát về văn hóa ẩm thực nói chung trên thế giới; văn hóa ẩm thực Việt Nam nói riêng; một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng đối với du lịch Việt Nam; ẩm thực và tôn giáo. Từ đó người học có được khả năng tìm hiểu, nghiên cứu về ẩm thực, đề xuất ý kiến thỏa đáng trong việc nâng cao giá trị ẩm thực, văn hóa ẩm thực; sáng tạo cách chế biến tạo ra sản phẩm ẩm thực có giá trị.	Kiến thức	2.0
25	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	- Sinh viên có năng lực xây dựng, rèn luyện và phát triển hoạt động giao tiếp Tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) trong môi trường kinh doanh dịch vụ khách sạn-nhà hàng.	Kiến thức, Kỹ năng	4.0
26	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	Sinh viên có năng lực xây dựng, rèn luyện và phát triển thuyết minh, hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh tại các tuyến, điểm du lịch.	Kiến thức, Kỹ năng	4.0
27	Tổng quan khách sạn	- Có năng lực nhìn nhận một cách khái quát về hình thái hoạt động của hệ thống cơ sở lưu trú, đặc biệt là loại hình khách sạn. - Định hướng nghiên cứu và phát triển các HP, TC nằm trong mục tiêu đào tạo của ngành QTKD KS. - Tạo nền tảng kết dính các môn học riêng lẻ nằm trong chương trình QTKD Khách sạn	Kiến thức	4.0
28	Quản trị dịch vụ	Năng lực hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ, hoạch định và triển khai các tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp dịch vụ.	Kiến thức, Kỹ năng	3.0
29	Tổ chức sự kiện	- Cung cấp cho sv kiến thức và năng lực cơ bản về sự kiện và tổ chức sự kiện bao gồm: Các khái niệm ( sự kiện, tổ chức sự kiện, quản lý sự kiện), các thành phần tham gia trong sự kiện, các hoạt động cơ bản của tổ chức sự kiện, phân loại sự kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện. Các phương pháp và kỹ năng để tổ chức sự kiện	Kiến thức, Kỹ năng	4.0

		như: Xây dựng chương trình, kế hoạch và dự toán ngân sách sự kiện, công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện và giải quyết các công việc sau khi kết thúc sự kiện.		
30	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có được các năng lực trong việc giao tiếp cơ bản, kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng đàm phán trong kinh doanh.</li> <li>- Giúp người học có thể tự tin, nâng cao khả năng thuyết trình, khả năng xây dựng một bài diễn thuyết, có kinh nghiệm trong giao tiếp và trong xử lý các tình huống.</li> <li>- Học phần còn giúp sinh viên nhận thức về hoạt động giao dịch trong kinh doanh và rèn luyện các kỹ năng quản lý cho người học. Thông qua các giờ thực hành tại lớp, thực hành với kết nối internet, các buổi thảo luận trên lớp giúp sinh viên thu hoạch tối đa lượng kiến thức của môn học.</li> </ul>	Kiến thức	3.0
31	Quản trị kinh doanh khách sạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người học có kỹ năng và phương pháp giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của khách sạn.</li> <li>- Tính toán, phân tích các các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế và tài chính của khách sạn sẽ giúp tăng cường kỹ năng quản lý cho các nhà quản trị kinh doanh khách sạn trong tương lai.</li> <li>- Nhận thức tốt về hoạt động kinh doanh khách sạn và rèn luyện các kỹ năng điều hành quản lý cho người học</li> </ul>	Kiến thức, kỹ năng	4.0
32	Quản trị lễ tân khách sạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị kỹ năng thao tác nghiệp vụ của nhân viên lễ tân khách sạn như: Kỹ năng đặt buồng, kỹ năng làm thủ tục đăng ký khách sạn, Kỹ năng cung ứng dịch vụ trong thời gian khách lưu trú tại khách sạn, Kỹ năng làm thanh toán và tiễn khách.</li> </ul>	Kỹ năng, năng lực	5.0
33	Quản trị buồng khách sạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thao tác tốt các quy trình, công đoạn trong vệ sinh buồng khách sạn</li> <li>- Thực hiện được từng công đoạn và toàn bộ quy trình phục vụ lưu trú khách sạn</li> </ul>	Kỹ năng, năng lực	5.0

		- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, dụng cụ vệ sinh và phục vụ buồng khách sạn		
34	Quản trị chế biến món ăn	- Có năng lực cơ bản về nghiệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn, trên cơ sở đó nghiên cứu sâu về công tác quản trị nhân sự trong bộ phận chế biến món ăn, kiến thức trong xây dựng thực đơn, kiến thức quản trị cơ sở vật chất; các kiến thức trong lựa chọn nguyên liệu thực phẩm trong chế biến món ăn, các phương pháp chế biến món ăn và thực hành món ăn Á,	Kỹ năng, năng lực	4.0
35	Quản trị nhà hàng	- Có năng lực về nghiệp vụ nhà hàng, bao gồm: kỹ năng chuẩn bị trước cho một ca làm việc, kê xếp bàn ghế trải khăn bàn và gấp khăn ăn bài trí bàn tiệc, kỹ năng set up bàn ăn á, âu; kỹ năng chào đón khách, sắp chỗ ngồi, giới thiệu thực đơn và lấy yêu cầu từ khách; Kỹ năng bung, đưa, gấp rút phục vụ khách; Kỹ năng thanh toán và tiễn khách. Có tư duy giải quyết mọi vấn đề một cách linh hoạt.	Kỹ năng, năng lực	5.0
36	An ninh khách sạn	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tổ chức hoạt động của bộ phận an ninh khách sạn; Các nghiệp vụ an ninh khách sạn như nghiệp vụ tuần tra, nghiệp vụ xử lý các tình huống gây mất an ninh an toàn trong khách sạn, nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và đối phó với hỏa hoạn trong khách sạn, nghiệp vụ kiểm soát hàng hóa, nhân viên và khách vào ra khách sạn, nghiệp vụ kiểm soát chìa khóa, nhà kho và rác thải khách sạn. Từ đó hình thành kỹ năng: lập và triển khai kế hoạch R & D giải quyết các vấn đề quản trị doanh nghiệp khách sạn. Hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, hoạch định và triển khai các tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp	Kỹ năng, năng lực	4.0
37	Quản trị thương hiệu	+ Nâng cao kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề. + Trau dồi thêm các kỹ năng quản trị khác	Kiến thức, Kỹ năng.	3.0

		như: đánh giá, lựa chọn và xử lý linh hoạt nhạy bén trong các tình huống kinh doanh		
38	Quản trị khu Resort	<p>- Có khả năng tư duy, phân tích và tổng hợp các vấn đề liên quan khu resort. Từ đó vận dụng linh hoạt vào trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh doanh khu resort</p> <p>- Có khả năng tư duy tổ chức lao động, sản phẩm, cơ sở vật chất theo đúng chức năng, quy mô, loại hình resort mà mình đang kinh doanh để đảm bảo hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững trên thị trường du lịch</p>	Kiến thức, Kỹ năng, năng lực	3.0
39	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán là nền tảng, cơ sở quan trọng của khoa học kế toán nói riêng và khoa học quản lý kinh tế nói chung. Nó trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về kế toán; vai trò của kế toán trong việc thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp các thông tin cho các nhà quản lý trong và ngoài doanh nghiệp; các phương pháp hạch toán kế toán và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môn học cũng giới thiệu về hệ thống báo cáo tài chính, các hình thức sổ sách kế toán và cách thức tổ chức bộ máy kế toán trong một doanh nghiệp.	Kiến thức	4.0
40	Quản trị Bar và Đồ uống	Xây dựng một hệ thống kiến thức và kỹ thuật pha chế đồ uống mà nội dung phù hợp với chương trình đào tạo gắn liền với xu hướng phát triển và nhu cầu của xã hội. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng pha chế và phục vụ, sự hiểu biết về nghề nghiệp và năng lực quản lý, điều hành, giám sát trong lĩnh vực kinh doanh pha chế đồ uống.		
41	Quản trị nhân lực	Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong doanh nghiệp. Nắm được những quan điểm và xu	Kiến thức, kỹ năng	4.0

		hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực, hiểu được các chức năng quản trị nguồn nhân lực,		
42	Kinh tế Việt Nam	- Có năng lực quản lý và kỹ năng tác nghiệp trong kinh doanh - Nhận thức toàn diện, đúng đắn và khoa học về kinh tế VN. Giúp sinh viên ngày càng yêu nghề và phát triển toàn diện kiến thức kinh tế Việt Nam trong ngành du lịch nói chung.	Kiến thức	2.0
43	Quản trị kinh doanh lễ hành	- Năng lực quản lý và kỹ năng tác nghiệp trong kinh doanh lễ hành - Nhận thức toàn diện, đúng đắn và khoa học về kinh doanh lễ hành. Giúp sinh viên ngày càng yêu nghề và phát triển toàn diện bản thân nói riêng và đóng góp cho sự phát triển cho ngành du lịch nói chung	Kiến thức	2.0
44	Xây dựng thực đơn	Cung cấp phương pháp xây dựng thực đơn trang bị một số kiến thức về khẩu vị, phong tục tập quán của người Việt Nam và một số nước trên thế giới giúp sinh viên vận dụng để xây dựng thực đơn phù hợp với các đối tượng khách. Hình thành một số kỹ năng xây dựng các loại thực đơn phù hợp với các bữa ăn và các loại tiệc. Có kỹ năng nhất định trong tính toán, xây dựng các loại thực đơn đảm bảo các yêu cầu về thời gian, độ chính xác, khoa học, hợp lý, phù hợp với nguyên tắc xây dựng thực đơn.	Kỹ năng, năng lực	5.0
45	Tâm lý khách du lịch	+ Nhận biết, đánh giá đúng về khả năng kinh doanh du lịch + Lập KH kinh doanh, xây dựng mô hình du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách + Kỹ năng giao tiếp, ứng xử + Vận dụng tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện khả năng phán đoán tâm lý + Phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý khách du lịch. + Xử lý tình huống linh hoạt trong hoạt động du lịch	Kiến thức, Kỹ năng.	4.0
46	Ứng dụng	Cung cấp cho SV những kiến thức, cách xây	Kiến thức,	4.0



	CNTT trong Du lịch	dựng văn bản lớn; cách tổ chức phân tích - tổng hợp dữ liệu và tìm điểm hoà vốn trong kinh doanh dịch vụ, sử dụng power point hỗ trợ trong trình chiếu. Nắm vững các thành phần nghiệp vụ của hệ thống thông tin khách sạn - nhà hàng đi Có thể sử dụng Word để xây dựng các văn bản chuyên nghiệp trên máy tính Áp dụng được một số kỹ thuật tổ chức phân tích và tổng hợp dữ liệu trong Excel Sử dụng thành thạo Power Point hỗ trợ cho việc trình chiếu. Có kỹ năng cài đặt, cấu hình phần mềm nhà hàng, khách sạn từ, các hệ thống đăng ký tin học và kết.	Kỹ năng.	
47	Lễ tân ngoại giao	Hiểu biết chung về nguyên tắc và các nội dung cơ bản của lễ nghi, lễ tân nhà nước (đối nội và đối ngoại), lễ tân ngoại giao và những ứng dụng trong lĩnh vực du lịch - ngành đặc biệt liên quan nhiều đến công tác đối ngoại/có yếu tố nước ngoài. Chủ động áp dụng trong hoàn cảnh phù hợp các nguyên tắc và nghiệp vụ giao tiếp để thành công trong sinh hoạt, học tập và thực hành nghề trong tương lai. Thực hành tốt một số kỹ năng cá nhân: thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân, xử lý tình huống và các vấn đề đa văn hóa, giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông...	Kiến thức, Kỹ năng.	4.0
48	Du lịch bền vững	Tổng quan tác động nhiều mặt của hoạt động du lịch đối với môi trường (tự nhiên, xã hội và kinh tế) với sự tập trung chú ý phân tích sâu hơn các tác động xấu của du lịch gây ra. Khái quát các vấn đề về du lịch bền vững, đặc điểm của du lịch bền vững, vai trò của du lịch bền vững với việc bảo vệ tính đa dạng của tự nhiên, bản sắc văn hóa của cộng đồng bản địa cũng như sự phát triển của xã hội. Trên cơ sở các nguyên tắc của du lịch bền vững, đề xuất các định hướng xây dựng các chính sách phát triển du lịch, các biện pháp kiểm soát tác động môi trường cũng	Kiến thức, Kỹ năng.	4.0

		như các phương pháp đánh giá tính bền vững của một lãnh thổ du lịch hoặc một dự án phát triển du lịch		
49	Thực tế chuyên ngành 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học</li> <li>- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu thực tế, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập nghiên cứu</li> <li>- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống</li> </ul>	Năng lực	4.0
50	Thực tế chuyên ngành 2	- Có năng lực tiếp cận sâu hơn với thực tế trước khi bước vào chương trình thực tập tốt nghiệp, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài.	Năng lực	5.0
51	Thực tập doanh nghiệp 1	Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội làm việc và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường áp dụng vào trong công việc tại các doanh nghiệp. Cách tiếp cận vấn đề về ngành nghề, thực tập và làm việc tại doanh nghiệp. Tìm kiếm, xử lý, thu thập kinh nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng và kiến thức cần thiết cho học tập nghiên cứu. Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.	Năng lực	5.0
52	Thực tập doanh nghiệp 2	Chương trình thực tập doanh nghiệp này giúp người học tiếp cận sâu hơn và đa dạng hơn các loại hình khách sạn – nhà hàng, tiếp cận sâu hơn về kỹ năng thực hiện công việc ở mức độ căn bản và quản lý nghiệp vụ. Qua đó sinh viên được thực hành và làm việc ở môi trường thực tiễn tại doanh nghiệp trước khi thực hiện chương trình thực tập tốt nghiệp. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nắm bắt đa dạng hơn về thực tế, gắn kết những lý	Năng lực	5.0

		thuyết đã học được trên ghế giảng đường với những kỹ năng, nghiệp vụ thực hành nghề tại doanh nghiệp.		
53	Thực tập nghề cuối khoá	- Trang bị năng lực tiếp cận gần hơn các khách sạn ở góc độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ tổng hợp của nhân viên khách sạn, người quản lý khách sạn ở môi trường thực tế trước khi ra trường. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nắm bắt hoạt động kinh doanh khách sạn, tìm hiểu sâu về các hoạt động, các công việc trong tất cả các bộ phận của khách sạn.	Năng lực	5.0

### 3. Nội dung đào tạo

Tổng số khối lượng kiến thức được ghi trên bảng điểm là 125 tín chỉ (không kể các học phần giáo dục thể chất: 5 tín chỉ, giáo dục quốc phòng: 11 tín chỉ (165 tiết); Trong 125 tín chỉ ghi trên bảng điểm, ngoài 37 tín chỉ dành cho các học phần giáo dục đại cương, còn lại 88 tín chỉ thuộc khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành 27 tín chỉ; chuyên ngành 39 tín chỉ; Kiến thức bổ trợ ngành và chuyên ngành: 06 tín chỉ; Thực tế, thực tập nghề nghiệp: 16 tín chỉ).

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; 30 - 45 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45- 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn.

- Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

TT	Học phần/Môn học	Số tín chỉ
<b>I.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>37</b>
1.	Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninsm	3
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Marxism and Leninsm	2
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3
7.	Pháp luật đại cương	3

	Introduction to laws	
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	2
9.	Tâm lý học đại cương General psychology	3
10.	Mỹ học đại cương General aesthetics	2
11.	Lịch sử văn minh thế giới History of world civilization	3
12.	Ngoại ngữ 1 Foreign language 1 ( <i>English 1</i> )	4
13.	Ngoại ngữ 2 Foreign language 2 ( <i>English 2</i> )	3
14.	Tin học đại cương Informatics	3
15.	Giáo dục thể chất	5
16.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	165t
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>88</b>
<b>1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>27</b>
17.	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch. State management of culture, sport & tourism.	3
18.	Văn hóa giao tiếp Communitive culture	3
19.	Thống kê học Statistics	3
20.	Kinh tế vi mô Macroeconomics	3
21.	Quản trị học Management study	3
22.	Marketing	2
23.	Thương mại điện tử căn bản Basic e-commerce	3
24.	Thanh toán quốc tế trong Du lịch International payment in tourism	2
25.	Kinh tế du lịch Tourism economy	3
26.	Văn hóa ẩm thực Culinary culture	2
<b>2</b>	<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>	<b>39</b>

27.	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 English for tourism 1	4
28.	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 English for tourism 2	4
29.	Tổng quan khách sạn A overview of hotel industry	2
30.	Quản trị dịch vụ Service management	3
31.	Tổ chức sự kiện Event organizing	2
32.	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business transactions and negotiations	2
33.	Quản trị kinh doanh khách sạn Hotel management	3
34.	Quản trị lễ tân khách sạn Hotel reception management	3
35.	Quản trị buồng Hotel room management	3
36.	Quản trị chế biến món ăn Food processing management	4
37.	Quản trị nhà hàng Restaurant services management	3
	<i>Kiến thức tự chọn (chọn 02 trong 06 học phần)</i>	
38.	An ninh khách sạn Hotel security management	3
39.	Quản trị thương hiệu Brand management	3
40.	Quản trị khu Resort Resort management	3
41.	Nguyên lý kế toán Principles of accountancy	3
42.	Quản trị Bar và đồ uống Bar and Drink Management	3
43.	Quản trị nhân lực Human resource management	3
<b>3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ ngành và chuyên ngành (Chọn 03 trong 06 học phần)</b>	<b>6</b>
44.	Quản trị kinh doanh lữ hành Travel business management	2

45.	Xây dựng thực đơn Menu Building	2
46.	Tâm lý khách du lịch Psychology of tourists	2
47.	Ứng dụng CNTT trong Du lịch Application of information technology in tourism	2
48.	Lễ tân ngoại giao Diplomatic reception	2
49.	Du lịch bền vững Sustainable tourism	2
4	<b>Thực tế, thực tập nghề nghiệp</b>	16
50.	Thực tế chuyên ngành 1 Internship 1	2
51.	Thực tế chuyên ngành 2 Internship 3	2
52.	Thực tập doanh nghiệp 1 Internship 1	2
53.	Thực tập doanh nghiệp 2 Internship 2	2
54.	Thực tập tốt nghiệp Final internship	8
	<b>Tổng</b>	<b>125</b>

#### 4. Phương pháp đánh giá

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá của học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

1.1. Điểm chuyên cần, thái độ: Chiếm trọng số 10% điểm học phần bao gồm: điểm chuyên cần và thái độ học tập (có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà). GV phải đánh giá được nội dung này trước khi kết thúc HP 1 buổi để xét điều kiện thi HP.

Sinh viên phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

1.2. Điểm đánh giá giữa học phần, chiếm trọng số 20% điểm học phần, bao gồm các loại: điểm kiểm tra bài cũ, kiểm tra giữa kỳ, xêmina, bài tập... được tổng hợp thành 1 con điểm. (Mỗi học phần phải có ít nhất một bài kiểm tra và giảng viên phải trình các bài kiểm tra giữa kỳ cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận). Điểm giữa HP

GV phải nộp về cho giáo vụ khoa và nộp về PQLĐT ngay sau khi điểm rơi giữa HP kết thúc.

1.3. Điểm thi kết thúc học phần, chiếm trọng số 70% điểm học phần cụ thể như sau:

a) Học phần lý thuyết thì điểm thi kết thúc học phần là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường.

b) Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành), thì điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của bài thi cuối học kỳ (đối với tín chỉ lý thuyết) và điểm phần thực hành (đối với tín chỉ thực hành) làm chung bình chung.

Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Giảng viên trực tiếp chấm điểm chuyên cần và thái độ học tập, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm các bài thực hành và phải thông báo công khai cho sinh viên trước khi nộp điểm về phòng QLĐT.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm đánh giá học phần do giảng viên và bộ môn đề xuất (qua khoa bộ môn và phòng Quản lý đào tạo) được Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo) phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn nếu một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

4. Việc đánh giá bộ phận phải được giảng viên tiến hành rải đều trong cả học kỳ, được quy định đề cương chi tiết học phần. Chậm nhất là sau 2 tuần, kể từ khi thu bài kiểm tra, đánh giá bộ phận, giảng viên phải trả bài và công bố kết quả đánh giá cho sinh viên.

5. Đối với các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng được tổ chức giảng dạy, đánh giá và cấp chứng chỉ theo quy định,,

## **5. Thời gian đào tạo**

### **5.1. Thời gian đào tạo của các học phần**

- Mỗi học phần có khối lượng tín chỉ từ 2 đến 04 (thấp nhất và cao nhất). Được bố trí giảng dạy cơ bản trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

## 5.2. Thời gian đào tạo của chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Loại giờ			Điều kiện tiên quyết
				Giờ LT	Giờ thảo luận, BT	Thực hành, thực tế	
<b>1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>37</b>				
1	ĐC001	Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninsm	3	36	9		Không
2	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Marxism and Leninsm	2	24	6		ĐC001
3	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	24	6		ĐC001 ĐC002
4	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2	24	6		ĐC001 ĐC002 ĐC003
5	ĐC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2	24	6		ĐC001 ĐC002 ĐC003 ĐC004
6	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3	36	9	0	Không
7	ĐC007	Pháp luật đại cương Introduction to laws	3	36	9	0	Không
8	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	2	24	6	0	Không
9	ĐC009	Tâm lý học đại cương General psychology	3	36	9	0	Không
10	ĐC011	Mỹ học đại cương General aesthetics	2	24	6	0	Không
11	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới History of world civilization	3	36	9	0	Không
12	NN001	Ngoại ngữ 1 Foreign language 1 ( <i>English 1</i> )	4	48	12	0	Không
13	NN002	Ngoại ngữ 2 Foreign language 1 ( <i>English 2</i> )	3	36	9	0	NN002
14	ĐC012	Tin học đại cương Informatics	3	18	3	48	Không
15	GDTC	Giáo dục thể chất	5				Không
16	GDQP	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	165t				Không
<b>2.</b>	<b>Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>88</b>				
<b>2.1.</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>27</b>				



17	QVH010	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch. State management of culture, sport & tourism.	3	36	9	0	Không
18	DL016	Văn hóa giao tiếp Communitive culture	3	18	3	48	ĐC009
19	TTH008	Thống kê học Statistics	3	24	9	24	Không
20	QKS001	Kinh tế vi mô Macroeconomics	3	36	9	0	Không
21	QLH001	Quản trị học Management study	3	36	9	0	Không
22	QLH002	Marketing	2	24	6	0	Không
23	QKS003	Thương mại điện tử căn bản Basic e-commerce	3	36	9	0	Không
24	QKS004	Thanh toán quốc tế trong Du lịch International payment in tourism	2	24	6	0	Không
25	QLH003	Kinh tế du lịch Tourism economy	3	36	9	0	QKS001
26	DL010	Văn hóa ẩm thực Culinary culture	2	24	6	0	Không
<b>2.2.</b>	<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>		<b>39</b>				
27	TA031	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 English for tourism 1	4	48	12	0	
28	TA032	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 English for tourism 2	4	48	12	0	
29	QKS005	Tổng quan khách sạn A overview of hotel industry	2	24	6	0	Không
30	QLH004	Quản trị dịch vụ Service management	3	36	9	0	QLH001
31	QVH022	Tổ chức sự kiện Event organizing	2	15	3	24	Không
32	QKS006	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business transactions and negotiations	2	24	6	0	Không
33	QKS007	Quản trị kinh doanh khách sạn Hotel management	3	36	9	0	QLH001
34	QKS008	Quản trị lễ tân khách sạn Hotel reception management	3	18	3	48	QKS007
35	QKS009	Quản trị buồng Hotel room management	3	18	3	48	QKS007
36	QKS010	Quản trị chế biến món ăn Food processing management	4	24	3	72	QKS007
37	QKS011	Quản trị nhà hàng Restaurant services management	3	27	6	24	QKS007
	<i>Kiến thức tự chọn (chọn 02 trong 06 học phần)</i>		6				
38	QKS012	An ninh khách sạn Hotel security management	3	27	6	24	QKS007
39	QLH009	Quản trị thương hiệu Brand management	3	36	9	0	QLH001
40	QKS013	Quản trị khu Resort Resort management	3	27	6	24	QLH001
41	QKS002	Nguyên lý kế toán Principles of accountancy	3	36	9	0	Không
42	QTKS018	Quản trị Bar và đồ uống Bar and Drink Management	3	18	3	48	

43	QLH006	Quản trị nhân lực Human resource management	3	36	9	0	
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ ngành và chuyên ngành</b> (Chọn 03 trong 06 học phần)		<b>06</b>				
44	QLH001	Quản trị kinh doanh lữ hành Travel business management	2	24	6	0	QLH001
45	QKS019	Xây dựng thực đơn Menu Building	2	24	6	0	
46	ĐC009	Tâm lý khách du lịch Psychology of tourists	2	24	6	0	ĐC009
47	DL015	Ứng dụng CNTT trong Du lịch Application of information technology in tourism	2	24	6	0	
48	DL017	Lễ tân ngoại giao Diplomatic reception	2	24	6	0	
49	DL014	Du lịch bền vững Sustainable tourism	2	24	6	0	
<b>2.4.</b>	<b>Thực tập, thực tế</b>		<b>16</b>				
50	QKS020	Thực tế chuyên ngành 1 Internship 1	2	6	0	48	Không
51	QKS021	Thực tế chuyên ngành 2 Internship 3	2	6	0	48	TTCN1
52	QKS014	Thực tập doanh nghiệp 1 Internship 1	2	6	0	48	TTCN1
53	QKS015	Thực tập doanh nghiệp 2 Internship 2	2	6	0	48	TTDN 1
54	QKS016	Thực tập tốt nghiệp Final internship	8	0	0	240	TTDN 1,2
<b>Tổng</b> (chưa tính GDTC và GDQP)			<b>125</b>				

### 5.3. Kế hoạch học tập dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học kỳ								Bộ môn QL
				1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>38</b>									
1	ĐC001	Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninsm	3	3								LLCT
2	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political economics of Marxism and Leninsm	2		2							
3	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2			2						
4	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2				2					
5	ĐC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2					2				
6	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3		3						KHCB	

7	ĐC007	Pháp luật đại cương Introduction to laws	3		3								
8	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	2	2									
9	ĐC009	Tâm lý học đại cương General psychology	3			2							
10	ĐC011	Mỹ học đại cương General aesthetics	2				2						
11	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới History of world civilization	3	3									
12	NN001	Ngoại ngữ 1 Foreign language 1 ( <i>English 1</i> )	4	4									NN
13	NN002	Ngoại ngữ 2 Foreign language 1 ( <i>English 2</i> )	3		3								
14	ĐC012	Tin học đại cương Informatics	3	3									KHCB
15	GDTC	Giáo dục thể chất	5										TDTT
16	GDQP	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	165t										
<b>2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>88</b>										
<b>2.1. Kiến thức cơ sở</b>			<b>27</b>										
17	QVH010	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch State management of culture, sport & tourism.	3					3					QLVH
18	DL016	Văn hóa giao tiếp Communitive culture	3	3									TTH
19	TTH008	Thống kê học Statistics	3			3							QTKS
20	QKS001	Kinh tế vi mô Macroeconomics	3			3							QTDV-LH
21	QLH001	Quản trị học Management study	3			3							QTDV-LH
22	QLH002	Marketing	2					2					QTKS
23	QKS003	Thương mại điện tử căn bản Basic e-commerce	3					3					QTKS
24	QKS004	Thanh toán quốc tế trong Du lịch International payment in tourism	2					2					QTKS
25	QLH003	Kinh tế du lịch Tourism economy	3							3			QTKS
26	DL010	Văn hóa ẩm thực Culinary culture	2					2					DL
<b>2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>			<b>39</b>										
27	TA031	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 English for tourism 1	4							4			NN
28	TA032	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 English for tourism 2	4								4		

29	QKS005	Tổng quan khách sạn A overview of hotel industry	2		2							QTKS
30	QLH004	Quản trị dịch vụ Service management	3						3			QTDV -LH
31	QVH022	Tổ chức sự kiện Event organizing	2						2			DL
32	QKS006	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business transactions and negotiations	2		2							QTKS
33	QKS007	Quản trị kinh doanh khách sạn Hotel management	3			3						QTDV -LH
34	QKS008	Quản trị lễ tân khách sạn Hotel reception management	3					3				QTKS
35	QKS009	Quản trị buồng Hotel room management	3					3				
36	QKS010	Quản trị chế biến món ăn Food processing management	4				4					
37	QKS011	Quản trị nhà hàng Restaurant services management	3				3					
	<b>Kiến thức tự chọn (chọn 02 trong 06 học phần)</b>		<b>06</b>									
38	QKS012	An ninh khách sạn Hotel security management	3						3			QTKS
39	QLH009	Quản trị thương hiệu Brand management	3						3			
40	QKS013	Quản trị khu Resort Resort management	3						3			
41	QKS002	Nguyên lý kế toán Principles of accountancy	3						3			
42	QTKS01 8	Quản trị Bar và đồ uống Bar and Drink management	3						3			
43	QLH006	Quản trị nhân lực Human resource management	3						3			
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ ngành và chuyên ngành (Chọn 03 trong 06 học phần)</b>		<b>06</b>									
44	QLH001	Quản trị kinh doanh lữ hành Travel business management	2					2				QTKS
45	QKS019	Xây dựng thực đơn Menu Building	2			2						
46	ĐC009	Tâm lý khách du lịch Psychology of tourists	2				2					DL
47	DL015	Ứng dụng CNTT trong Du lịch Application of information technology in tourism	2					2				
48	DL017	Lễ tân ngoại giao Diplomatic reception	2				2					DL
49	DL014	Du lịch bền vững Sustainable tourism	2			2						
<b>2.3.</b>	<b>Thực tập, thực tế</b>		<b>16</b>									

50	QKS020	Thực tế chuyên ngành 1 Internship 1	2		2							QTKS
51	QKS021	Thực tế chuyên ngành 2 Internship 3	2						2			
52	QKS014	Thực tập doanh nghiệp 1 Internship 1	2			2						
53	QKS015	Thực tập doanh nghiệp 2 Internship 1	2					2				
54	QKS016	Thực tập nghề cuối khoá Final internship	8								8	
<b>Tổng (chưa kể GDTC và GD AN-QP)</b>			<b>125</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>8</b>	

**6. Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTDH: 31/07 /2019**

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Thanh Hà

Trần Nhật Hải

Trần Nhật Hải